TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/HSPT
Ngày 26/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng P;
- Các Thẩm phán: + Bà Đào Thị Minh T;
+ Bà Nguyễn Thị Thanh X.
- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thanh H, Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang H - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 902/2019/PTHS ngày 11/11/2019 do có kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2019/HSST ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Bị cáo bị kháng cáo:

Hoàng Danh T; sinh ngày 08/6/1991; địa chỉ cư trú tại xóm 1, xã B, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa phổ thông: lớp 12/12; con ông Hoàng Danh T và bà Ngô Thị H; vợ là Nguyễn Thị Huyền T; có 01 con, sinh 2018; tiền án; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/5/2019, có mặt tại phiên tòa;

Người bào chữa: Ông Nguyễn Đình T là Luật sư của Văn phòng luật sư số 3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh N bào chữa bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị cáo Hoàng Danh T, có mặt tại phiên tòa;

Bị hại: Công ty TNHH TM H; địa chỉ Văn phòng công ty tại Số 08 Nguyễn Phong S, phường H, thành phố V, tỉnh N, có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3/2018, khi đó Hoàng Danh T công tác tại Phòng PK02 thuộc Công an tỉnh N, có vay của chị Nguyễn Thị H số tiền 160.000.000 đồng,

nên chị H nhiều lần gọi điện yêu cầu T trả nợ nếu không sẽ gửi đơn tố cáo đến Công an tỉnh N. Lo sợ bị đuổi ra khỏi ngành, nên T đã nảy sinh ý định thuê xe ô tô tự lái cầm cố lấy tiền trả nợ cho chị H. Sau đó, T gọi điện thoại cho anh Võ Minh V là chủ hiệu cầm đồ đặt vấn đề cầm cố xe ô tô, anh V đồng ý. Do quen biết từ trước, ngày 07/5/2018, T điện thoại cho anh Nguyễn Đức H là giám đốc Công ty TNHH Thương mại H đặt vấn đề thuê 01 chiếc xe ô tô tự lái làm phương tiện đi lại thì anh H nói T đến công ty gặp nhân viên để làm thủ tục thuê xe. T đến công ty thì được anh Nguyễn Viết P nhân viên công ty là người trực tiếp làm hợp đồng cho T thuê xe ô tô có đặc điểm: Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại xe FOTUNER màu bạc, mang Biển kiểm soát 37A-362.64, số máy: 2GDC136182, số khung: 8GS1G0510319, thời gian thuê xe là từ ngày 07/5/2018 đến ngày 07/6/2018 để đi lại. Sau khi thuê được xe, ngày 08/5/2018, T đã lên gặp anh Võ Minh V cầm cố chiếc xe này lấy số tiền 170.000.000 đồng hẹn trong thời gian 10 ngày sẽ trả và nói với anh V chiếc xe là của bố mẹ T. Sau khi nhận tiền, T đưa đến trả 160.000.000 đồng cho chị H, số tiền còn lại tiêu xài hết và bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 25/01/2019, Công ty TNHH Thương mại Hiệp Sương làm đơn tố cáo Hoàng Danh T về hành vi chiếm đoạt chiếc xe ô tô trên. Ngày 04/5/2019, Hoàng Danh T đến đầu thú tại Công an thành phố Hà Nội và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Ngày 07/12/2018, Giám đốc Công an tỉnh N đã ra quyết định xuất ngũ khỏi lực lượng Công an đối với Hoàng Danh T.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 13/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản kết luận chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại FOTUNER, sơn màu bạc, BKS 37A-362.64, số máy 2GDC136182; số khung: 8GS1G0510319 đăng ký lần đầu ngày 18/01/2017 có mức giá là: 910.000.000 đồng.

Bản kết luận giám định số 114/KL-KTHS ngày 19/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận: Chữ ký, chữ viết trên "GIẤY VAY TIỀN" ngày 08/5/2018 ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Danh T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1,M2 là do cùng một người ký, viết ra.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ chiếc xe ô tô BKS 37A-362.64 nêu trên và đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Đức H.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Đức H yêu cầu Hoàng Danh T hoàn trả lại đầy đủ số tiền trong thời gian T thuê xe kể từ ngày 07/5/2018 đến ngày 27/1/2019 số tiền là 250.000.000 đồng. Anh Võ Minh V yêu cầu Hoàng Danh T trả lại số tiền 170.000.000 đồng..

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2019/HSST ngày 01/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh N đã căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hoàng Danh T 09 (chín) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/5/2019.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/10/2019, ông Nguyễn Đức H đại diện cho Công ty TNHH Thương mại H kháng cáo, đề nghị xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo Hoàng Danh T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, ý kiến tranh luận của bị cáo, của luật sư và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm cũng như phiên tòa sơ thẩm, Hoàng Danh T thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cấp sơ thẩm đã quy kết. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra vụ án, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ kết luận:

Do cần tiền trả nợ, Hoàng Danh T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản bằng cách thuê xe rồi mang cầm cố. Ngày 07/5/2019, T thuê 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại FOTUNER, trị giá 910.000.000 đồng của Công ty TNHH H. Sau khi thuê được xe, T đưa đến cầm cố cho anh Võ Minh V lấy 170.000.000 đồng, trả nợ cho chị Nguyễn Thị H 160.000.000 đồng, số còn lại tiêu xài, sau đó bỏ trốn. Hành vi nêu trên của Hoàng Danh T bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm, đã phân tích, đánh giá hết các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, theo đó xác định: Bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo ra đầu thú và có nhân thân tốt; đã tác động gia đình nộp số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; quá trình công tác, bị cáo được Giám đốc Học viện Cảnh sát nhân dân và Giám đốc Công an tỉnh N tặng nhiều Giấy khen; bị cáo có ông ngoại được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì…cho nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tại khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm tù, hoặc tù Chung thân. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo ở mức thấp dưới mức hình phạt quy định tại khoản 4 của điều luật này là có căn cứ, song xử phạt bị cáo Hoàng Danh T 09 năm tù trong trường hợp này là có

phần nhẹ, vì vậy cần chấp nhận kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo của ông Nguyễn Đức Huy đại diện cho Công ty TNHH H, theo hướng đó cần sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức H đại diện cho bị hại, sửa bản án sơ thẩm; cụ thể:

1. Căn cứ điểm Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Hoàng Danh T 10 (Mười) năm tù** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 05/5/2019.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Ông Nguyễn Đức H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ 1);
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Công an tỉnh N;
- Trại tạm giam Công an tỉnh N;
- Bị cáo (qua trại tạm giam);
- Lưu: HSAV, Phòng HCTP-VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng P